XÂY DỰNG CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG MỘT THÀNH CÔNG NỔI BẬT CỦA ĐẢNG THỜI KỲ ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

TS TRẦN TRỌNG THƠ*

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Từ đó đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã liên tiếp giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại. Một trong những thành tựu lớn lao trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là Đảng lãnh đạo thành công Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Gắn liền với thắng lợi vĩ đại trên đây là vai trò to lớn của Ban Chấp hành (BCH) Trung ương - cơ quan đầu não của Đảng, nơi thể hiện tập trung rõ nét nhất bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền.

1. Những đổi thay về nhân sự cơ quan Trung ương Đảng trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

Trong suốt 15 đấu tranh giành chính quyền, từ khi ra đời cho đến ngày lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa thắng lợi, trở thành đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên phải đối diện với sự khủng bố dã man của thực dân Pháp và tay sai. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng, nhất là cơ quan đầu não liên tục bị truy lùng và đánh phá. Có thể nói trong lịch sử ra đời và phát triển của Đảng, đây là thời kỳ cơ quan lãnh đạo Trung ương bị tổn thất, phải lập đi lập lại nhiều lần[1]. Do đó, nhân sự của BCH Trung ương từ năm 1930 đến năm 1945 không ổn định.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, theo chủ trương của Hội nghị hợp nhất do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, tháng 2-1930, BCH Trung ương lâm thời được hình thành gồm bảy uỷ viên: Trịnh Đình Cửu (Chí, Lê Đình), Trần Văn Lan (Giáp, Đen), Nguyễn Hới (Điền Hải, Nhỏ, Hợp, Hạp), Nguyễn Phong Sắc (Nguyễn Văn Sắc, Thịnh, Thanh), Hạ Bá Cang (Sáu, Ban), Phạm Hữu Lầu (Lộ), Lê Mao (Cát). Ban Thường vụ gồm ba đồng chí: Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Lan, Nguyễn Hới, do Trịnh Đình Cửu "phụ trách chung"[2]. Do âm mưu và thủ đoạn đánh phá thâm độc của chính quyền thuộc địa, BCH Trung ương lâm thời chịu những tổn thất lớn về nhân sự. Từ tháng 6 đến tháng 7-1930, lần lượt ba ủy viên Trung ương lâm thời bị bắt[3].

* Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh

Trước tình hình đó, từ tháng 6 đến tháng 8-1930, BCH Trung ương lâm thời lần lượt bổ sung bốn ủy viên là Ngô Đức Trì (Leman, Vân), Lưu Lập Đạo (A Lầu) - đại diện cho bộ phận đảng viên người Hoa tại Việt Nam, Trần Phú và Nguyễn Trọng Nhã (Nguyễn Trọng Nhật, Sáu). Đến tháng 9-1930, BCH Trung ương lâm thời gồm các ủy viên Trần Văn Lan, Nguyễn Phong Sắc, Lê Mao, Trần Phú, Nguyễn Trọng Nhã, Ngô Đức Trì, Lưu Lập Đạo.

Tháng 10-1930, BCH Trung ương Đảng tiến hành Hội nghị lần thứ nhất. Cùng với việc đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, mở rộng phạm vi lãnh đạo sang Ai Lao và Cao Miên, BCH Trung ương chính thức được thành lập, gồm bảy ủy viên: Trần Phú, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Trọng Nhã, Ngô Đức Trì, Trần Văn Lan, Lê Mao và Lưu Lập Đạo. Ban Thường vụ gồm ba ủy viên[4]. Đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư.

Đầu năm 1931, do sự đánh phá ác liệt của địch, các ủy viên Trung ương lần lượt sa lưới mật thám Pháp[5]. Đến tháng 4-1931, BCH Trung ương bị vỡ.

Sau khi BCH Trung ương bị phá vỡ, việc khôi phục hệ thống tổ chức đảng ở Đông Dương được Quốc tế Cộng sản rất quan tâm. Vào đầu năm 1932, Quốc tế Cộng sản quyết định thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương để lãnh đạo công tác của Đảng[6]. Tháng 3-1934, sau một thời gian tích cực chuẩn bị, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập gồm ba người: Lê Hồng Phong (Bí thư), Hà Huy Tập và Nguyễn Văn Dựt, đặt cơ quan tại Ma Cao. Do Ban Trung ương đã vỡ, nên Ban Chỉ huy ở ngoài giữ vai trò là "người lãnh đạo, người tổ chức, sẽ tổ chức lại cơ quan lãnh đạo Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương"[7].

Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng diễn ra tại Ma Cao. Đại hội lập BCH Trung ương Đảng gồm 13 ủy viên (trong đó 12 uỷ viên được bầu tại Đại hội, 1 uỷ viên chỉ định sau). Mười hai người được bầu là: Lê Hồng Phong (Lítvinốp), Đinh Thanh (Đinh Tân, Trần Văn Diễm, Trần Ngọc Diễn, Trần Ngọc Diệm, Phương Béo, Vương Tu), Hoàng Đình Giong (Trần Tín, Lầu Voòng), Nguyễn Văn Dựt (Svan), Võ Văn Ngân (Xù), Ngô Tuân (Ba Đốc, Ba, Lùn, Lương Văn Định), Võ Nguyên Hiến (Võ Hiến, Chắt Kế), Phan Đình Hy (Quế), bồi bếp, Bí thư Xứ uỷ Ai Lao, Phạm Văn Xô (Lào, Xu, Trần Văn Đạt), thợ may, Nguyễn Ái Quốc và 1 đồng chí có bí danh là Bich Zhan, người dân tộc thiểu số ở Bắc Kỳ[8], 1 đồng chí thuộc Đảng bộ Nam Kỳ[9]. Ban Thường vụ gồm 5 ủy viên[10]. Đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư. Bên cạnh BCH Trung ương, Ban Chỉ huy ở ngoài vẫn tiếp tục tồn tại gồm Hà Huy Tập (Bí thư) và Phùng Chí Kiên (tức Lý, tức Mạnh Văn Liễu, Mã Hữu Giác, Nguyễn Hào).

BCH Trung ương thành lập, hoạt động chưa được bao lâu thì từ tháng 4 đến tháng 9-1935, tám uỷ viên Trung ương lần lượt bị sa lưới mật thám[11]. Do phần lớn các uỷ viên Trung ương và uỷ viên Ban Thường vụ bị bắt, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong và Nguyễn Ái Quốc công tác ở Quốc tế Cộng sản, Võ Văn Ngân hoạt động ở Nam Kỳ, Hoàng Đình Giong hoạt động ở Bắc Kỳ nhưng bị mất liên

lạc với nhau[12] nên trên thực tế, đến tháng 9-1935 "Ban Thường vụ đã không còn và Ban Trung ương cũng kết thúc"[13]. Trong hoàn cảnh đó, Ban Chỉ huy ở ngoài[14] "thực hiện chức năng của Ban Trung ương và lãnh đạo toàn Đảng"[15]. Tất cả những tài liệu tuyên truyền, chỉ thị chỉ đạo khi ban hành Ban Chỉ huy ở ngoài đều lấy danh nghĩa Trung ương, một mặt để đánh lạc hướng chú ý của mật thám Pháp, mặt khác "không gây cảm tưởng xấu cho quần chúng và các đồng chí ở cơ sở khi thấy không còn có Ban Trung ương"[16].

Ngày 26-7-1936, Lê Hồng Phong (trở về Trung Quốc đầu năm 1936) cùng hai đồng chí Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên tổ chức hội nghị tại Thượng Hải quyết định phân công Hà Huy Tập về Sài Gòn tổ chức Ban Trung ương, khôi phục các mối liên lạc với các tổ chức đảng.

Thực hiện quyết định của Hội nghị, Hà Huy Tập trở về đặt trụ sở tại Sài Gòn từ ngày 12-8-1936. Ngày 12-10-1936, Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương được tổ chức ở Nam Kỳ, do Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư[17].

Trong các ngày 13, 14-3-1937, BCH Trung ương họp Hội nghị mở rộng tại Nam Kỳ. Tham dự hội nghị có các uỷ viên Trung ương hoạt động trong xứ, các đại biểu của Nam Kỳ, Trung Kỳ. BCH Trung ương gồm Hà Huy Tập, Võ Văn Ngân, Nguyễn Chí Diểu (bị tù ở Côn Đảo được trả tự do),... Đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư.

Từ ngày 2 đến ngày 3-9-1937[18], BCH Trung ương họp Hội nghị mở rộng tại Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định. Hội nghị củng cố BCH Trung ương gồm 11 ủy viên: Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Lê Hồng Phong, Võ Văn Ngân, Võ Văn Tần (Già Tần), Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Ái Quốc[19]... Nguyễn Ái Quốc và Lê Hồng Phong hoạt động ở ngoài xứ. Ban Thường vụ gồm 5 ủy viên[20]. Đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư.

Từ ngày 29 đến 30-3-1938, BCH Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị toàn thể tại Tân Thới Nhất, gần Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định. Hội nghị kiện toàn BCH Trung ương Đảng gồm 11 ủy viên: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong (về Nam Kỳ ngày 10-11-1937), Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Ngân, Võ Văn Tần, Nguyễn Ái Quốc, Phùng Chí Kiên,... Trong số 11 uỷ viên Trung ương, hai uỷ viên là Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô và Phùng Chí Kiên ở Trung Quốc, các đồng chí còn lại đều ở trong xứ. Ban Thường vụ gồm 5 ủy viên[21]. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư. Sau Hội nghị, do một số uỷ viên bị bắt, các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Ngân mất vì bệnh tật, BCH Trung ương được bổ sung Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, vào tháng 11-1939, BCH Trung ương mở hội nghị tại Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định. BCH Trung ương lúc này có Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư, Võ Văn Tần, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Phùng Chí Kiên, Nguyễn Ái Quốc...[22]. Phùng Chí Kiên, Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Trung Quốc.

Sau Hội nghị chưa được bao lâu thì vào đầu năm 1940, năm ủy viên Trung ương, trong đó có Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ sa vào tay địch[23]. Do hầu hết các uỷ viên Trung ương hoạt động

trong xứ bị bắt, chỉ còn Phan Đăng Lưu, nên BCH Trung ương tan vỡ. Nghị quyết Hội nghị Trung ương (11-1940) kết luận: "Đa số T.U (tức Trung ương - T.G) bị thất bại một năm nay"[24].

Tháng 11-1940, BCH Trung ương lâm thời được thành lập tại Bắc Kỳ gồm Trường - Chinh (Đặng Xuân Khu) - quyền Tổng Bí thư, Hoàng Văn Thụ (Hoàng Hạo Đô, Lưu Minh Hà, Lý, Vân, Tân, Lâm, Lan), Phan Đăng Lưu, Hạ Bá Cang.

Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước. Từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị lần thứ tám BCH Trung ương Đảng diễn ra tại Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Hội nghị bầu BCH Trung ương gồm Trường - Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hạ Bá Cang, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh (Vương Văn Hải, Nguyễn Văn Thuật, Trịnh Đông Hải) (dự khuyết), Trần Đăng Ninh (To Đầu, Đạt, Lê Tuấn Đáng) (dự khuyết). Ban Thường vụ gồm ba ủy viên[25]. Đồng chí Trường - Chinh làm Tổng Bí thư.

Cuối năm 1941, Trần Đăng Ninh bị bắt[26]. Ngày 25-8-1943, Hoàng Văn Thụ - Uỷ viên Thường vụ Trung ương, đặc trách công tác công vận và binh vận, Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ bị bắt[27]. Tháng 10-1943, Trung ương được bổ sung Nguyễn Lương Bằng và đến đầu năm 1945, Lê Đức Thọ tham gia BCH Trung ương.

Đến đầu tháng 8-1945, kể cả hai đồng chí được bổ sung trong thời gian cuối 1943 đầu năm 1945, BCH Trung ương gồm Trường - Chinh, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Trần Đăng Ninh (dự khuyết), Vũ Anh (dự khuyết).

Trong những ngày sục sôi chuẩn bị tổng khởi nghĩa, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) ngày 14 và 15-8-1945, nhất trí với chủ trương của Thường vụ Trung ương kịp thời phát động và lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị đã quyết định bổ sung bốn uỷ viên Trung ương là: Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Hoan, Chu Văn Tấn và Võ Nguyên Giáp. BCH Trung ương gồm 10 uỷ viên: Trường - Chinh (Tổng Bí thư), Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Trần Đăng Ninh, Vũ Anh, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Hoan, Võ Nguyên Giáp.

Hội nghị toàn quốc của Đảng và sự kiện toàn của BCH Trung ương ngay trong thời điểm Đảng phát động tổng khởi nghĩa đã thể hiện sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng, thể hiện quyết tâm lớn về giành độc lập dân tộc, tinh thần chuẩn bị tích cực, đầy đủ những yếu tố cơ bản bảo đảm thắng lợi của khởi nghĩa giành chính quyền.

2. Cơ quan Trung ương đảm bảo năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu ngang tầm với nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945)

a) Xác định và hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc

Sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện trước hết ở cương lĩnh, đường lối chính trị. Theo nguyên tắc hoạt động của chính đảng vô sản, cương lĩnh, đường lối của Đảng phải do Đại hội của Đảng quyết định.

Trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền, hoạt động bí mật là chính, liên tục bị kẻ thù

đánh phá, hệ thống tổ chức của Đảng phải lập đi lập lại, giao thông liên lạc thường bị gián đoạn. Đảng không thể tiến hành các đại hội thường kỳ như Điều lệ quy định để có thể phát huy trí tuệ của toàn Đảng trong hoạch định và xây dựng đường lối cách mạng mà chỉ tiến hành được duy nhất Đại hội lần thứ nhất vào tháng 3-1935. Trong hoàn cảnh đó, cơ quan lãnh đạo cấp Trung ương đóng vai trò rất to lớn trong sáng tạo lý luận cách mạng, trong hoạch định và hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng.

Hội nghị BCH Trung ương tháng 10-1930 đã thông qua *Luận cương chánh trị*, xác định con đường phát triển của cách mạng Đông Dương là tiến hành cách mạng tư sản dân quyền, tức là xoá bỏ quan hệ bóc lột phong kiến, thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng" và chống đế quốc, "làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập"[28]; sự nghiệp cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo từ cách mạng tư sản dân quyền sẽ tiến triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với diễn biến của thực tiễn lịch sử, BCH Trung ương đã từng bước khắc phục những xơ cứng và giáo điều trong việc phân tích đặc điểm giai cấp ở một xã hội thuộc địa, khắc phục những hạn chế về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc; năng lực phân tích, đánh giá thực tiễn cách mạng ngày càng tiến triển và đi đến thống nhất về mặt nhận thức với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về xác định mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa, về nhiệm vụ của cách mạng thuộc địa, về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, về vấn vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc.

Ngày 26-7-1936, Hội nghị đại biểu Trung ương Đảng và Ban Chỉ huy ở ngoài lần đầu tiên đã nêu lên vấn đề cần phải xem xét lại vị trí của hai nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến vốn đang được đặt ngang bằng. Hội nghị cho rằng: "ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc"[29]. Tháng 10-1936, Ban Chỉ huy ở ngoài ban hành văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới*, nêu rõ tính cấp thiết của cách mạng giải phóng dân tộc, đòi hỏi cách mạng ruộng đất không thể gây ảnh hưởng ngăn trở sự tiến triển của nó: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng... nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"[30].

Từ nguồn mạch tư duy đó, khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, BCH Trung ương đã đi đến một quyết sách lịch sử, từ việc thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến đến tập trung thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, phát huy sức mạnh toàn dân tộc mà tự giải phóng dân tộc. Tháng 11-1939, Hội nghị BCH Trung ương Đảng nêu rõ trách nhiệm quan trọng nhất của toàn Đảng lúc

này là phải đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, đặt quyền lợi của dân tộc ở vị trí cao nhất, lấy giải phóng dân tộc làm mục đích cấp bách, lớn lao nhất mà mọi hoạt động của toàn Đảng, toàn dân kể cả cách mạng ruộng đất đều phục vụ mục đích đó. Đến Hội nghị BCH Trung ương Đảng tháng 5-1941, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã đi đến quyết định Đảng "cần phải thay đổi chiến lược"[31], tập trung vào nhiệm vụ cần kíp "dân tộc giải phóng". Đây là một quyết định tác động trực tiếp và toàn diện quá trình chuẩn bị với tinh thần chủ động tích cực của toàn Đảng cho công cuộc đấu tranh giành chính quyền.

Cùng với việc xác lập đường lối về cách mạng giải phóng dân tộc, cơ quan Trung ương Đảng thời kỳ 1930-1945 đã cùng lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân dưới hình thức Mặt trận dân tộc thống nhất dựa trên việc đánh giá sâu sắc về sức mạnh to lớn của chủ nghĩa dân tộc. Vận dụng sáng tạo những nguyên tắc xây dựng đảng vô sản kiểu mới do Lênin đề ra và luận điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, từ năm 1930, Ban Thường vụ Trung ương đã ban hành Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh (18-11-1930), trong đó thấm đượm quan điểm đoàn kết dân tộc sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Thường vụ Trung ương Đảng phân tích, đánh giá sâu sắc tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh của các tầng lớp xã hội vì độc lập, tự do của dân tộc, phê phán những quan điểm hẹp hòi "tả" khuynh, hạn chế việc xây dựng và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; nêu cao trách nhiệm của Đảng trong việc tổ chức toàn dân thành một lực lượng lấy công nông làm nền tảng. Chỉ thị viết: "Cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương mà không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật đông, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công (rộng là toàn dân cùng đứng trong một mặt trận chống đế quốc và tụi phong kiến làm tay sai phản động hèn hạ, kín là đặt để công nông trong bức thành dân tộc phản đế bao la"[32]. Bản Chỉ thị trên là sự quán triệt tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về sức mạnh vô địch của toàn dân mà Đảng cần phát huy bằng hình thức tổ chức thích hợp với điều kiện Việt Nam. Trải qua nhiều bước tìm tòi, nghiên cứu lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, khắc phục giáo điều, đến Hội nghị BCH Trung ương tháng 11-1939 và Hội nghị BCH Trung ương tháng 5-1941, Trung ương Đảng đã khẳng định nhiệm vụ đánh Pháp, đuổi Nhật không phải riêng của công, nông mà là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân. Nghị quyết Hội nghị BCH Trung ương tháng 11-1939 viết: "Thống nhất lực lượng dân tộc là điều kiện cốt yếu để đánh đổ đế quốc Pháp"[33]. Đến Hội nghị BCH Trung ương tháng 5-1941, quan điểm dựa vào sức mạnh của toàn thể cộng đồng dân tộc làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do được thực thi dưới hình thức Mặt trận Việt Minh, tạo nên nguồn lực thực hiện chủ trương khởi nghĩa từng phần, tiến tới tổng khởi nghĩa do Trung ương Đảng phát động. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự khẳng định một chân lý đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết: "Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết"[34].

Có thể thấy, những sáng tạo về lý luận trong việc xây dựng và hoàn thiện đường lối cách

mạng giải phóng dân tộc, trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy lợi ích dân tộc làm tối thượng của Đảng, bắt nguồn từ những luận điểm cách mạng độc đáo của Nguyễn Ái Quốc, đều xuất phát từ cơ quan lãnh đạo Trung ương Đảng. Điều đó thể hiện rõ sự trưởng thành của Trung ương trong nhận thức, phân tích và xử lý đúng đắn các mâu thuẫn xã hội đang đặt ra cho một đảng tiền phong là đảm đương sứ mệnh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do.

b) Bảo đảm sự thống nhất tư tưởng và xây dựng đạo đức cách mạng trên cơ sở đường lối chính trị của Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng và phát triển trong một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu, đại đa số đảng viên xuất thân từ nông dân, bị ảnh hưởng bởi tâm lý tiểu nông, cục bộ, định kiến... Trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, bị địch liên tiếp khủng bố, Đảng chưa có điều kiện để đào tạo cán bộ một cách rộng rãi nên trừ một bộ phận nhỏ được đào tạo tại các trường của Quốc tế Cộng sản hoặc được kinh qua các lớp học trong tù, còn đa số đảng viên hạn chế về trình độ học vấn, trình độ giác ngộ lý luận, hoạt động chủ yếu dựa vào nhiệt tình cách mạng và kinh nghiệm thực tiễn. Hiện trạng đó là một nguyên nhân nảy sinh những bất đồng về quan điểm, về phương pháp tổ chức lực lượng, về cách thức tiến hành cách mạng ngay trong nội bộ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, gây nên những bất lợi trong công tác tổ chức mà biểu hiện cụ thể là tình trạng biệt lập, không thống nhất về tổ chức ở một số cấp uỷ tại một số thời điểm.

Nhận thức rõ đặc điểm đó, cơ quan Trung ương Đảng thời kỳ này rất coi trọng công tác tư tưởng, bảo đảm khối đoàn kết thống nhất về quan điểm, ý chí và hành động trong toàn Đảng. Trung ương Đảng đã chú trọng nâng cao trình độ lý luận, năng lực hoạt động thực tiễn đặc biệt là coi trọng việc tu dưỡng đạo đức, phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên. *Vì đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên liên quan chặt chẽ đến sức chiến đấu và năng lực, uy tín lãnh đạo của Đảng.* Được Đảng giáo dục và rèn luyện lâu dài trong các phong trào cách mạng chống ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, đại đa số cán bộ, đảng viên đã thể hiện rõ phẩm chất cách mạng kiên cường, dũng cảm, hy sinh, chịu đựng gian khổ, vượt qua khó khăn, thử thách, được nhân dân tin tưởng. Họ đã trở thành chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân.

Trên cơ sở đường lối chính trị của Đảng, BCH Trung ương đã phê bình và chỉnh đốn những khuyết điểm về phương pháp lãnh đạo của các Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ (đầu 1931); kịp thời phát hiện và uốn nắn những quan điểm lệch lạc của Xứ uỷ Bắc Kỳ trong việc đề ra cách thức chống khủng bố manh động (1941); chấn chỉnh việc đề ra khẩu hiệu đấu tranh không phù hợp của Xứ uỷ Nam Kỳ (1945); đả phá tư tưởng lợi dụng Nhật là "*đánh đu với tinh*" của một số cấp bộ đảng ở Trung Kỳ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945). Những chỉ đạo của Trung ương đã giúp các cấp bộ sửa chữa sai lầm, khắc phục khuyết điểm, bảo đảm được vai trò lãnh đạo của mình.

BCH Trung ương đóng vai trò quyết định trong việc bảo đảm tính thống nhất về tư tưởng; chỉ đạo, uốn nắn, sửa chữa những sai lầm, lệch lạc trong quan điểm và hành động

của các cấp bộ đảng; điều hoà các mâu thuẫn, giải quyết những bất đồng, xích mích trong nội bộ Đảng ở nhiều địa phương, giữ gìn và củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm năng lực lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thành công.

c) Bảo đảm cho hệ thống tổ chức của Đảng thống nhất và phát triển

Trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, bất hợp pháp, liên tục bị khủng bố, các cơ quan cấp Trung ương kế tiếp nhau đã đề ra các điều lệ quy định hệ thống tổ chức, những nguyên tắc tổ chức, hoạt động của tổ chức đảng các cấp. Nguyên tắc được áp dụng nhất quán trong công tác xây dựng Đảng là *dân chủ tập trung*. Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10-1930 ghi rõ: "Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như các chi bộ của Quốc tế Cộng sản, phải tổ chức theo lối dân chủ tập trung"[35] và quy định cụ thể trách nhiệm của các cấp bộ đảng và đảng viên phải thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc này. Nguyên tắc dân chủ tập trung liên tục được các hội nghị BCH Trung ương diễn ra trong thời kỳ 1930-1945 quán triệt trong toàn Đảng.

Cùng với việc ban hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, cơ quan Trung ương đã trực tiếp chỉ đạo thành lập nhiều cấp bộ đảng, chỉ định nhiều cơ quan chỉ huy các cấp của Đảng. Trung ương còn trực tiếp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong công tác tổ chức, bảo đảm tính thống nhất và đoàn kết của các cấp bộ đảng.

Dưới sự lãnh đạo của BCH Trung ương, hệ thống tổ chức đảng đã vượt qua sự đánh phá của kẻ thù, nhanh chóng được khôi phục do yêu cầu và sự thôi thúc của công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Theo thống kê chưa đầy đủ, tính đến trước khi Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 nổ ra, tổ chức đảng từ cấp tỉnh, thành phố đến chi bộ đã được thiết lập ở 58 tỉnh, thành phố ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, lan rộng thêm 6 địa phương so với năm 1939. Toàn Đảng có 50 cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh, thành, vượt trội với năm 1939 tới 16 đầu mối. Về số lượng đảng viên, theo báo cáo chưa đầy đủ của đại biểu các địa phương tại Hội nghị toàn quốc của Đảng (8-1945) thì toàn Đảng có 1.302 đồng chí hoạt động tại các địa phương (trong đó: Nam Kỳ có 700 đảng viên, Trung Kỳ (tính cả Thanh Hoá) có 181 đảng viên, Ai Lao (tính cả số đảng viên hoạt động ở Thái Lan) có 31 đảng viên, các tỉnh ở khu vực châu thổ và trung du Bắc Kỳ nằm dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ có 180 đảng viên, Khu giải phóng có 160 đảng viên, Chiến khu II (chỉ tính Vĩnh Yên) có 20 đảng viên, Chiến khu III (chỉ tính Ninh Bình) có 30 đảng viên)[36]. Còn theo *Báo cáo tổng quát tình hình Đảng từ trước ngày tổng khởi nghĩa đến 26-11-1949*, thì trong thời kỳ tổng khởi nghĩa, toàn quốc có 3.000 đảng viên[37].

Có thể thấy, việc hoạt động có hiệu quả của cơ quan lãnh đạo Trung ương là rường cột cho sự hình thành, thống nhất và phát triển hệ thống tổ chức, tiêu biểu cho năng lực và sức chiến đấu của Đảng thời kỳ này.

1.Từ năm 1930 đến năm 1945, BCH Trung ương bị địch phá vỡ ba lần (lần thứ nhất vào 4-1931; lần thứ hai vào tháng 9 - 1935; lần thứ ba vào đầu năm 1940); nhiều ủy viên Trung ương bị bắt, giam cầm trong đủ loại nhà tù đế quốc; có bốn Tổng Bí thư là Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ hy sinh.

2. Về chức danh của đồng chí Trịnh Đình Cửu còn có nhiều ý kiến: có ý kiến cho là "Bí thư" Ban Trung ương lâm thời, có ý kiến là "Triệu tập viên", có ý kiến là "Chủ trì điều hành", có ý kiến là "Người đứng đầu". Ở đây chúng tôi căn cứ vào ý kiến phát biểu của đồng chí Lê Đình (tức Trịnh Đình Cửu) ghi tại Biên bản cuộc tọa đàm Về việc thống nhất thành lập Đảng, do Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương tổ chức ngày 10-4-1964 (tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng).

3. Ngày 6-5-1930, Nguyễn Hới bị bắt tại ngõ Hàng Kẹo, phố Nguyễn Hữu Độ, thành phố Nam Định. Ngày 14-5-1930, Hạ Bá Cang bị bắt tại nhà số 6, phố Touran, thành phố Hải Phòng. Ngày 24-7-1930, Phạm Hữu Lầu bị bắt tại Hải Phòng và bị Hội đồng đề hình Hà Nội họp tại Hỏa Lò ngày 30-7-1930 ra lệnh tống giam về tội "tham gia cuộc âm mưu nhằm phá hoại và thay đổi chính phủ Đông Dương và kích động các công dân hoặc là dân thường vũ trang chống lại các nhà cầm quyền" (Commission criminell de Hanoi, Interrogatoire Phạm Hữu Lầu, le 30 Juilett 1930, tài liệu lưu tại Viện lịch sử Đảng). Tháng 8-1930, Trịnh Đình Cửu xin rút khỏi Trung ương vì lý do sức khoẻ. Theo đồng chí Nguyễn Văn Hoan thì sau khi đồng chí Phạm Hữu Lầu bị bắt, do bị địch ráo riết truy nã, khám xét gia đình, để tập trung làm công tác tuyên huấn, đồng chí Trịnh Đình Cửu xin rút khỏi Trung ương (Tài liệu Viện Lịch sử Đảng).

4. Ban Thường vụ gồm 3 ủy viên: Trần Phú, Nguyễn Trọng Nhã, Nguyễn Phong Sắc. Sau Hội nghị, cơ quan Trung ương chuyển vào đóng tại Sài Gòn thay vì đóng ở Hải Phòng như đã định. Do đó, để thuận tiện trong hoạt động, Ngô Đức Trì thay Nguyễn Phong Sắc đảm nhiệm cương vị Uỷ viên Thường vụ Trung ương. Cuối 1930, Lưu Lập Đạo trở về hoạt động tại Trung Quốc, Ban Trung ương Chấp ủy còn sáu ủy viên.

5. Ngày 1-4-1931, Ngô Đức Trì mang tên là Phan Văn Quốc bị bắt. Ngày 17-4-1931, Nguyễn Trọng Nhã bị bắt. Ngày 18-4-1931, Trần Phú bị bắt và hy sinh tại Nhà thương Chợ Quán vào ngày 6- 9-1931. Ngày 20-4-1931, Trần Văn Lan bị bắt. Ngày 3-5-1931, Lê Mao bị bắn chết. Ngày 3-5-1931, Nguyễn Phong Sắc bị bắt và sau đó bị sát hại.

6. Một Ban lãnh đạo tương tự cũng được thành lập để phụ trách Đảng Cộng sản Inđônêxia.

7, 15, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.5, tr.402

8. Chưa xác định được danh tính.

9. Đồng chí Dân Tôn Tử cho biết: Tại Đại hội I của Đảng, Nam Kỳ có 4 đồng chí được bầu vào Trung ương, trong đó 2 ủy viên chính thức là Nguyễn Văn Dựt (còn gọi là Long) và Võ Văn Ngân; 2 ủy viên "Trung ương dự khuyết" là Trần Văn Vi (Trần Phụng Vĩ, Tran Peng Vi, Trần Quốc Chánh, Sáu, Dân Tôn Tử) và Tống Văn Trân (Phó Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ năm 1935, đại biểu Trung ương tham dự Hội nghị giải thể Chấp uỷ Trung Trung Kỳ, lập Ban Cán sự Trung Nam Trung Kỳ, tổ chức tại Quảng Ngãi 23- 4-1935), (xem Dân Tôn Tử: Một số hoạt động của Xứ ủy Nam Kỳ từ năm 1930 đến năm 1945, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng). Trong công văn số 2010/s ngày 22-4-1935 của Sở Mật thám Nam Kỳ về những tài liệu thu giữ khi bắt Svan (Nguyễn Văn Dựt), mật thám Pháp cũng nhận định rằng Trần Văn Vi đã được bầu là ủy viên Trung ương. Cần xác minh thêm.

10. Các ủy viên Ban Thường vụ là: Lê Hồng Phong, Đinh Thanh, Hoàng Đình Giong, Ngô Tuân....Trong những tài liệu thu giữ khi bắt Svan (Nguyễn Văn Dựt), mật thám Pháp thu được một tài liệu Svan ghi tóm tắt bằng tiếng Pháp các ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ huy ở ngoài gửi cho đồng chí ngày 20-3-1935, trong đó có câu "đồng chí sẽ được bầu vào Ban Thường vụ).

11. Nguyễn Văn Dựt bị bắt ngày 20-4-1935; một đồng chí ở Nam Kỳ (chưa xác định rõ danh tính - *T.G*) bị bắt ngày 24-4; Phan Đình Hy bị bắt tháng 5-1935 ở Lào; Phạm Văn Xô vừa trở về bị bắt ngày 6-6-1935 tại bản Nọong Bua, tỉnh Uđon (Xiêm), bị kết án 15 năm tù; Ngô Tuân bị bắt tại Cao Bằng ngày 26-8-1935, bị kết án 5 năm tù; Đinh Thanh bị bắt và hy sinh tại Ma Cao (các tài liệu của mật thám Pháp đều ghi là đồng chí tự tử ở Ma Cao, tuy nhiên, ngày tự tử không thống nhất, có bản ghi là 27-9-1935, có bản ghi là 12-10-1935); Võ Nguyên Hiến bị bắt lần thứ nhất vào tháng 7-1935, được trả tự do vào tháng 9 và bị bắt lại ngày 1-11-1935, trả tự do ngày 7-5-1936 ở Vinh (Nghệ An), đến ngày

3-11-1936 đồng chí lại bị bắt lần thứ ba); đồng chí người dân tộc thiểu số ở Bắc Kỳ có bí danh là Bich Zhan bị bắt và bị kết án 5 năm tù.

12. Đến tháng 2-1936, Hoàng Đình Giong bị bắt tại Hàng Kênh (Hải Phòng).

13, 28, 29, 30, 33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, T.6, tr.49, 94, 74, 152, 554

14. Ban Chỉ huy ở ngoài lúc này có Hà Huy Tập (Bí thư), Phùng Chí Kiên. Đến tháng 3 - 1936, bổ sung Trần Văn Kiết.

17. Theo *Bản tin tình báo* của quân đội Pháp, số 29 (10, 11-1936) và *Báo cáo thường kỳ số 48* của Sở Mật thám Đông Dương (phần nói về hoạt động của những người cộng sản ở Đông Dương trong tháng 1-1937) thì Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đặt cơ quan ở Nam Kỳ và có ít nhất năm uỷ viên, "trong đó có 3 người là cựu sinh viên trường Xtalin".

18. Về thời gian diễn ra hội nghị này, các tài liệu ghi không giống nhau. Có tài liệu ghi trong hai ngày 3 và 4-9-1937, có tài liệu ghi từ ngày 3 đến ngày 5-9-1937, có tài liệu ghi từ 25-8 đến 4-9-1937. Ở đây chúng tôi căn cứ vào *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.6, tr.299

19. Theo một tài liệu của mật thám Pháp thì trong BCH Trung ương có "một người Nam Kỳ bị ho lao" là Ngô Văn Tâm tức Êlizarốp, cựu học sinh Trường đại học Phương Đông (Theo A.A. Xôcôlốp, trong: *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam*, CTQG, H,1999, tr.243-244 thì Êlidarốp tên thật là Nguyễn Văn Tần hoặc Ngô Văn Tần, học tại Đại học Phương Đông những năm 1927-1928). Cần xác minh thêm.

20. Ban Thường vụ có: Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Tần, Nguyễn Văn Cừ. Theo Lê Duẩn và Đào Duy Kỳ thì Hạ Bá Cang tham gia Trung ương từ tháng 9-1937. Một số tài liệu của mật thám Pháp cho thấy trong BCH Trung ương thời gian này có một đại diện của Bắc Trung Kỳ. Theo đồng chí Lê Duẩn thì thời kỳ này là Đinh Văn Di, Ủy viên Trung ương (Một số ý kiến của đồng chí Lê Duẩn về việc xác định sự phản bội của Đinh Văn Di, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng). Cần nghiên cứu thêm.

21. Ban Thường vụ gồm 5 ủy viên là Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Võ Văn Tần, Nguyễn Chí Diểu.

22. Theo Dân Tôn Tử thì trong BCH Trung ương tháng 11-1939 còn có Nguyễn Hữu Tiến (Giáo Hoài). Cần nghiên cứu thêm.

23. Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn bị bắt ngày 17-1-1940, Lê Hồng Phong bị bắt lại vào ngày 6-2-1940, Hà Huy Tập bị bắt lại vào ngày 30-3-1940, Võ Văn Tần bị bắt vào 21-4-1940.

24, 31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, T.7, tr.60, 118

25. Ban Thường vụ gồm 3 ủy viên là Trường - Chinh, Hạ Bá Cang và Hoàng Văn Thụ. Theo các tài liệu của mật thám Pháp và lời khai của Nguyễn Thành Diên thì danh sách BCH Trung ương do Hội nghị bầu gồm 11 người, gồm 7 uỷ viên chính thức: Nguyễn Ái Quốc, Trường - Chinh, Hạ Bá Cang, Hoàng Văn Thụ, Phùng Chí Kiên, Bùi San, Hồ Xuân Lưu; 4 ủy viên dự khuyết: Vũ Anh, Nguyễn Thành Diên, Trần Đăng Ninh (bầu vắng mặt) và một người ở Trung Kỳ có tên là Nhiêu (bầu vắng mặt).

26. Tháng 8-1943, đồng chí vượt ngục nhưng bị bắt lại vào tháng 9-1943.

27. Không khuất phục nổi người cộng sản kiên trung Hoàng Văn Thụ, Toà án quân sự của Pháp ngày 21-12-1943 đã kết án tử hình đồng chí. Sáng 24 -5 -1944, địch thi hành án tử hình đồng chí tại trường bắn Tương Mai (Hà Nội).

32, 35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, T.2, tr.227, 119

34. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, *Sđd*, T.5, tr.238.

36. Biên bản của Toàn quốc hội nghị Đảng Cộng sản Đông Dương, ngày 14 và 15 - 8 -1945, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

37. Báo cáo tổng quát tình hình Đảng từ trước ngày khởi nghĩa đến nay (26-11- 1949), tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phông BCH Trung ương. Có lẽ số lượng đảng viên trong báo cáo này tính cả số lượng đảng viên (khoảng 2000 đồng chí) thoát ngục Côn Đảo trở về trong tháng 9-1945.